



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

*(Giấy CNĐKDN số: 4600100109 do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu
ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 5 ngày 22/6/2015)*

Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, TP Thái Nguyên
Điện thoại: 0208 3851 537; Fax: 0208 3852 976; Website: thawaco.vn

Số: 116/BC-CTCPNS


Thái Nguyên, ngày 21 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

(Theo hướng dẫn tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
- Tên Tiếng Anh : THAI NGUYEN WATER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : TWACO
- Logo : 
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600100109
(Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 5 ngày 22/6/2015)
- Vốn điều lệ : 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, TP.Thái Nguyên
- Điện thoại : (+84).0208.3851537
- Fax: (+84).0208.3852976
- Website : <http://www.thawaco.vn>
- Người đại diện : Nguyễn Quang Mãi, chức vụ: Chủ tịch HĐQT theo pháp luật



2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:

Năm 1962: Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.



Ngày 31/12/1992: Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.

Ngày 24/11/1993: Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.



Ngày 04/4/1997: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.



Ngày 07/10/2005: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ- UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.



Ngày 22/10/2009: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.



Ngày 21/10/2014: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ- UBND về việc

3. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

<u>Stt</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290
4	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
6	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (dịch vụ kiểm định đo lường đồng hồ đo nước);	7120

Địa bàn kinh doanh:

- Thành phố Thái Nguyên;
- Thành phố Sông Công;
- Thị xã Phổ Yên và các vùng lân cận;
- Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đu, huyện Phú Lương và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai và các vùng lân cận;
- Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;
- Khu công nghiệp Diềm Thụy và các vùng lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 05 thành viên
 - + Các phòng chức năng: 06
 - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01

4.3 Các công ty con, công ty liên kết: 02 công ty

*. Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

*. Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.

- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị trực thuộc chưa cổ phần để thống nhất hạch toán chung toàn công ty, đảm bảo lộ trình thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo an toàn cấp nước cho khu vực trung tâm, phía Bắc, phía Tây thành phố Thái Nguyên và các vùng lân cận.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch 90-95 %.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (Nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Việc sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí di chuyển các tuyến ống, ảnh hưởng đến việc cấp nước cho khách hàng và kiểm soát thất thoát nước.

- Nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt do biến đổi khí hậu.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Thuận lợi:

- Sản phẩm nước sạch là nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, cuộc sống và việc làm của cộng đồng;

- Kinh tế xã hội của tỉnh đang có sự phát triển mạnh mẽ, do đó nhu cầu sử dụng dịch vụ cấp nước ngày càng tăng cao;

- Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi của Chính phủ, các bộ, ngành của Trung ương và địa phương;

- Chủ trương tập trung đổi mới trong quản trị tài chính, quản trị nhân lực đã đem lại những hiệu quả tích cực;

- Công ty đã có quá trình xây dựng và phát triển trên 55 năm trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ cấp nước đô thị; có đội ngũ cán bộ, người lao động năng lực và nhiều kinh nghiệm thực tiễn;

1.2. Khó khăn:

- Việc phát triển khách hàng khó khăn do mật độ dân cư các vùng ven trung tâm thấp.

- Mức sử dụng bình quân một hộ khách hàng thấp, đặc biệt là khu vực các thị xã, huyện, thị trấn do khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác như giếng khoan, giếng khơi.

- Một số hệ thống tuyến ống bị ảnh hưởng trong vận hành khai thác do các dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng kết cấu hạ tầng của Tỉnh, gây khó khăn lớn trong việc duy trì cấp nước ổn định và kiểm soát thất thoát nước.

1.3 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Tỷ lệ TH so năm 2016
1	Công suất các nhà máy	m3/ngày	70.750	50.268	71,0%	103,9 %
2	Khách hàng đến 31/12/2017	hộ	71.953	71.107	98,8%	102,9 %
3	Sản lượng nước sản xuất	m3	18.111.100	18.348.105	101,3%	103,9 %
4	Sản lượng nước thương phẩm	m3	15.077.416	14.877.511	98,7%	104,2 %
5	Tỷ lệ thất thoát nước	%	19,83	20,39	+ 0,56%	- 0,74 %
6	Giá trị sản lượng xây lắp	đồng	34.350.000.000	54.444.803.000	158,5%	232,3 %
7	Tổng doanh thu (DT thuần+DT khác)	đồng	185.216.000.000	173.090.993.085	93,45%	107,3 %
8	Lợi nhuận trước thuế	đồng	7.800.750.000	8.513.433.761	109,14%	87,79 %
9	Nộp ngân sách NN	đồng	11.500.000.000	19.783.655.082	172,02%	174,8%
10	Tổng số lao động bình quân năm	đồng	543	500	92,1 %	88,8 %

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết
1.	Trương Đình Thục	TGD	1963	Cử nhân Kế toán, Kỹ sư XD	29.951
2.	Nguyễn Bá Quyết	PTGD	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Kỹ sư Cấp Thoát nước	336.426
3.	Nông Quốc Bình	PTGD	1962	Kỹ sư Kinh tế	31.697
4.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	25.111
5.	Nguyễn Xuân Học	PTGD	1971	Cử nhân Kinh tế	25.899
6.	Nguyễn Cẩm Tú	Phụ trách kế toán	1964	Cử nhân Kế toán	10.800

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Từ ngày 12/01/2017 ông Nông Quốc Bình được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

- Từ ngày 12/01/2017 ông Nguyễn Văn Tiến được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

- Từ ngày 03/11/2017 ông Nguyễn Xuân Học được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2017:

Tổng số lao động: 500 người (Bao gồm cả 79 người của 02 công ty con)

Trong đó:

- Lao động có trình độ Thạc sỹ: 11 người;

- Lao động có trình độ Đại học: 282 người;

- Lao động có trình độ Cao đẳng: 18 người;

- Lao động có trình độ Trung cấp, công nhân kỹ thuật và lao động khác: 189 người;

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.

Công ty đã sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương trong đó quy định về việc khoán đơn giá tiền lương cho các đơn vị; sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua khen thưởng; sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Kết quả thực hiện giải ngân các dự án/Các khoản thực hiện đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện
1	Dự án cấp nước Sông Công	8.330	0
2	Dự án phát triển hệ thống cấp nước TP Thái Nguyên	7.021	2.050,00
3	Dự án cải tạo hệ thống cấp nước TP Thái Nguyên	1.500	9.432,80
4	Dự án cấp nước cho Nghĩa trang An Lạc Viên và người dân khu vực xã Thịnh Đức	8.700	0
5	Dự án xây dựng tuyến ống DN300 bổ sung cấp nước cho KCN Diêm Thụy	12.666	10.798,77
6	Đầu tư xây dựng tuyến ống DN300 đường Lương Ngọc Quyến từ ngã 3 Mỏ Bạch đi ngã tư Đồng Quang	4.787	2.838,10

7	Đầu tư mở rộng tuyến ống mạng cấp 3 khu vực tổ 6 đến tổ 18 phường Cam Giá	1.094	994,09
8	Đầu tư mở rộng tuyến ống mạng cấp 3 khác	500	
8.1	Đầu tư mở mạng cấp 3 khu vực tổ 5 Gia Sàng, tổ 39 Quang Trung và Sơn Cẩm - Phú Lương		68,61
8.2	Đầu tư mở mạng cấp 3 Xóm Xây, xã Thuận Thành, thị xã Phố Yên và tổ dân phố số 10, phường Mỏ Chè, Tp SC		55,22
8.3	Đầu tư mở rộng tuyến ống mạng cấp 3 xóm 6, xã Sơn Cẩm, huyện Phú lương.		16,65
8.4	Đầu tư tuyến ống MC3 đường LNQ đoạn qua P.Quang Trung.		304,58
8.5	Đầu tư MC3 Tổ 6, phường Tân Lập, TPTN		20,5
8.6	Đầu tư tuyến ống MC3 tổ 8A Phường Tân Lập		17,43
9	Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.176	1.971,71
9.1	Sửa chữa cải tạo tuyến ống truyền tải đoạn AB ngã tư KCN – đầu cầu Mây (Đoạn ống D200-D250)		162,3
9.2	Sửa chữa, cải tạo tuyến ống truyền tải đoạn AB ngã tư khu công nghiệp – đầu cầu mây (đoạn ống D200)		366,89
9.3	Nạo vét hồ bùn số 2 XNNS Sông Công		44,78
9.4	Thôi rửa giếng khoan khai thác nước sạch Vỡ Nhai và Trạm cấp nước Phú Lương		226,74
9.5	Sửa chữa, cải tạo, thay thế tuyến ống gang DN200 XNNS Đại Từ (Đoạn cầu Đen)		92,41
9.6	Sửa chữa tuyến ống truyền tải đoạn D ngã tư Phố Yên đi ngã tư Diềm Thụy (Cầu Rẽo)		66,34
9.7	Sửa chữa, cải tạo, thay thế tuyến ống mạng cấp 3 XNNS Đại Từ (tuyến ống phố chợ 2 – Đồng Khóc).		109,81
9.8	Sửa chữa, cải tạo tuyến ống mạng cấp 3 Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ (đoạn ống thép DN40 Phố Mới)		158,92
9.9	Sửa chữa, cải tạo, thay thế tuyến ống gang DN200 XNNS Đại Từ (Đoạn cầu Suối Long)		108,2
9.10	Sửa chữa tuyến ống MC3 tổ 5, phường Đồng Quang. Công trình: Tuyến ống mạng cấp 3 – gói thầu FA		134,51
9.11	Sửa chữa tuyến ống MC3 khu dân cư tổ 9 phường Tân Lập		249,41
9.12	Sửa chữa hàng rào XNNS Sông Công		193,33
9.13	Ngăn đập tràn nâng mức nước trạm bơm cấp 1 XNNS Sông Công		58,07

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên chính thức thành lập và đi vào hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 09/3/2016. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 có lãi.

Công ty TNHH Friend chính thức thành lập và đi vào hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 14/04/2017. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 chưa có lãi.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính (theo báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	488.632.603.989	488.290.179.612	(0,1) %
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	107.853.915.569	113.834.451.653	5,5 %
	- Tài sản dài hạn	đồng	380.778.688.420	374.455.727.959	(1,7) %
2	Doanh thu thuần	đồng	158.351.691.709	170.135.307.062	7,4 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	9.764.976.993	8.337.552.214	(14,6) %
4	Lợi nhuận khác	đồng	(67.763.325)	175.881.547	160 %
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	9.697.213.668	8.513.433.761	(12,2) %
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.522.239.264	3.996.716.452	(27,6) %
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	6,0	6,5	8,3 %

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,2	1,17	
	- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,93	1,00	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,47	0,49	
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,90	0,95	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	3,75	3,54	

	- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	lần	0,32	0,35	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	0,035	0,023	
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	0,022	0,016	
	- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	0,011	0,008	
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	0,13	0,11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 Cổ phần, bao gồm 100% là cổ phần phổ thông, trong đó:

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên

+ Mã chứng khoán: TNW

+ Mã ISIN: VN000000TNW1

+ Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký: 16.000.000 cổ phiếu

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)

+ Hình thức đăng ký: Ghi sổ

- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5.2 Cơ cấu cổ đông:

(1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ

- Cổ đông lớn: 02 CD, nắm giữ 83,27% Vốn Điều lệ

- Cổ đông nhỏ: nắm giữ 16,73% Vốn Điều lệ

(2) Cơ cấu cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân

- Cổ đông là tổ chức: 02 CĐ, nắm giữ 83,27% Vốn Điều lệ
- Cổ đông là cá nhân: nắm giữ 16,73% Vốn Điều lệ

(3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài

- Cổ đông trong nước: nắm giữ 100% Vốn Điều lệ
- Cổ đông nước ngoài: không có

(4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác

- Cổ đông nhà nước: 01 CĐ, nắm giữ 42,27% Vốn Điều lệ
- Cổ đông khác: nắm giữ 57,73% Vốn Điều lệ

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: 18.348.105 m³ nước khai thác.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 5.490.878 KWh.

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.3. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

a) Nguồn cung cấp nước: Nước ngầm và nước sông Công.

Lượng nước sử dụng: 18.348.105 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Handwritten mark

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: 500 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 6.700.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập nâng bậc thợ; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; tập huấn về các văn bản pháp luật mới của Nhà nước...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) *Ưu điểm:* - Năm 2017 các chỉ tiêu SXKD của Công ty đều có sự tăng trưởng so với năm 2016; đảm bảo 100% người lao động có việc làm; trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ; an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra; đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp;

- Công tác quản trị được đổi mới đã nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Lao động được sắp xếp phù hợp, tinh gọn, qua đó năng suất lao động được nâng lên.

b) *Hạn chế, nhược điểm:* - Tiến độ thực hiện dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên chưa đạt tiến độ đề ra;

- Công tác chống thất thoát nước chưa đầu tư được các thiết bị tiên tiến để hỗ trợ hiệu quả trong kiểm soát lưu lượng, áp lực khu vực thành phố Thái Nguyên; chưa có nhiều van phân nhánh, khoanh vùng, tách mạng do đó khó khăn trong kiểm soát thất thoát; còn hệ thống đường ống cấp 1 đã được xây dựng từ lâu, chất lượng kém;

- Mức sử dụng nước bình quân hàng tháng thấp do khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác như giếng khoan, giếng khơi. Suất đầu tư đường ống trục

...

để mở mạng phát triển khách hàng mới cao, nên chưa phát huy được công suất sản xuất tại khu vực Sông Công, Phổ Yên và tại các huyện.

2. Tình hình tài chính:

a) *Tình hình tài sản:* Không có biến động lớn.

b) *Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính:* Không có biến động lớn về các khoản nợ, không có nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục tăng cường thực hiện quản lý và cải tiến chất lượng theo chu trình PDCA (*Lập kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra - Hành động, cải tiến*) đối với các hoạt động trọng yếu của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên.

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ không bảo đảm chất lượng, gây thất thoát nước lớn.

- Đầu tư mua, thuê hạ tầng kỹ thuật cấp nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm giữ vững thị phần cấp nước.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhất trí theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- *Ưu điểm:* Đã điều hành duy trì hoạt động Công ty ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch đề ra, có tăng trưởng so với năm 2016; bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra; đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

- *Hạn chế:* Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt được kỳ vọng của ĐHCĐ đề ra (Sản lượng nước thương phẩm, tỷ lệ thất thoát); tiến độ Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước Thành phố Thái Nguyên chậm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT Công ty.

3.2. Tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hay sự phân cấp từ HĐQT; chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt là trong công tác quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3.3. Củng cố công tác quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy trình tài chính kế toán để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và theo chuẩn thông lệ quốc tế. Giám sát việc luân chuyển vốn, quản lý dòng tiền hiệu quả. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân các dự án, sử dụng các nguồn vốn giá rẻ.

3.4 Cơ cấu lại tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn; từng bước xây dựng quy chế khoán đối với các đơn vị nhằm tăng sự tự chủ đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị.

3.5. Tăng cường công tác quản trị nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng. Tiếp tục hoàn thiện khung đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, người lao động, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng.

3.6. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp dây truyền sản xuất để kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng cấp nước... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đầu tư theo thứ tự ưu tiên phù hợp với nguồn tài chính của Công ty để đảm bảo cân đối tài chính.

3.7. Đầu tư mua, thuê hạ tầng kỹ thuật cấp nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đầu tư hoặc hợp tác đầu tư trong lĩnh vực sản xuất - dịch vụ cấp nước trong và ngoài địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3.8. Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản trị.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 25/01/2018)
1	Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch	1977	Thạc sĩ kỹ thuật	6.560.000
2	Trương Đình Thục	Thành viên	1963	Cử nhân Kinh tế KS. Xây dựng	3.524.825
3	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	1969	KS. Quản trị doanh nghiệp	1.682.095
4	Nguyễn Bá Quyết	Thành viên	1976	Thạc sĩ QT kinh doanh KS. Cấp thoát nước	336.426
5	Nông Quốc Bình	Thành viên	1962	KS. Kinh tế	31.697

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị: Có Báo cáo Quản trị năm 2017 đã được công bố thông tin ngày 29/01/2018.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT không có thành viên độc lập.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

1.6 Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thành viên	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nông Quốc Bình	Thành viên	1962	Kỹ sư Kinh tế
3	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

2. Ban Kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 25/01/2018)
1.	Vũ Tiến Bộ	Trưởng Ban	1981	Cử nhân Tài chính kế toán	75
2.	Vi Văn Minh	Thành viên	1975	Cử nhân Luật, Luật sư	0
3.	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	1979	Thạc sĩ Quản lý kinh tế Cử nhân kinh tế	13.611

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- Trao đổi thông tin nội bộ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;
- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ;
- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

TT	Diễn giải	Lương	Thù lao	Cộng	Ghi chú
I	HĐQT, Ban TGD				
1	Nguyễn Quang Mãi	0	528.000.000	528.000.000	
2	Trương Đình Thục	376.232.000	115.200.000	491.432.000	
3	Nguyễn Bá Quyết	324.020.000	115.200.000	439.220.000	
4	Nguyễn Văn Tiến	303.272.500	111.360.000	414.632.500	
5	Nông Quốc Bình	303.272.500	111.360.000	414.632.500	
6	Nguyễn Xuân Học	223.512.000	0	223.512.000	
II	Ban Kiểm soát				
1	Vũ Tiên Bộ	0	330.000.000	330.000.000	
2	Vi Văn Minh	0	184.800.000	184.800.000	
3	Hoàng Thị Huệ	104.986.000	84.480.000	189.466.000	
III	Tổng cộng (I+II)	1.635.295.000	1.580.400.000	3.215.695.000	

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Theo Phụ lục 1, Phụ lục 2.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới

và thay thế đồng hồ đo nước trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:* Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

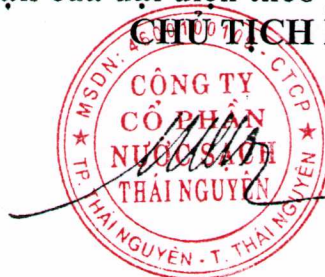
1. **Ý kiến của kiểm toán viên:** Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty không bao gồm kết quả hoạt động của các Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nai, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Diềm Thụy (Đây là các đơn vị thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động theo các quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên).

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và HĐQT Công ty đã phê duyệt Báo cáo tài chính, quyết toán năm 2017, được công bố thông tin ngày 08/3/2018./.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Quang Mãi

Phụ lục I: DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Tính đến ngày 25/01/2017)

I. CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (Mua, bán, chuyển nhượng, v.v.)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cổ đông lớn	6.763.200	42,27	6.763.200	42,27	
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	Cổ đông lớn	6.560.000	41,00	6.560.000	41,00	
3	Nguyễn Quang Mão	Chủ tịch HĐQT	0	-	0	-	
4	Trương Đình Thục	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	75.593	0,47	75.593	0,47	
5	Nguyễn Bá Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0,00	336.426	2,1	Mua
6	Nông Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	31.697	0,19	31.697	0,19	
7	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	25.111	0,15	25.111	0,15	
8	Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc	25.899	0,16	25.899	0,16	
9	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	56.197	0,35	75		Bán
10	Vi Văn Minh	Kiểm soát viên	0	-	0	-	

STT	Tên tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (Mua, bán, thưởng, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
11	Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	13.611	0,09	13.611	0,09	
12	Nguyễn Cẩm Tú	Phụ trách kế toán	10.800	0,07	10.800	0,07	
13	Đỗ Thanh Tùng	Thư ký Công ty	2.536	0,016	2.536	0,016	
14	Lê Huy Phú	Thư ký Công ty	13.748	0,09	48		Bán
15	Phan Huy Quang	Thư ký Công ty	0		0		
Cộng			13.562.108	84,7	13.842.412	86,5	

I. NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (Mua, bán, thưởng, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Vợ ông Trương Đình Thực, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	11.000	0,068	11.000	0,068	
2	Nguyễn Huy Biên	Chồng bà Hoàng Thị Huệ, Kiểm soát viên	9.632	0,06	9.632	0,06	
3	Nguyễn Thị Nhâm	Vợ ông Nguyễn Xuân Học, Phó Tổng Giám đốc	13.189	0,08	13.189	0,08	
4	Nguyễn Thị Mến	Vợ ông Đỗ Thanh Tùng, Thư ký Công ty	1.938	0,01	1.938	0,01	
Cộng			31.821	0,19	33.821	0,21	

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

(Tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Danh sách	Chức vụ	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ (%)
1.	Tạ Ngọc Hà	Trưởng phòng kinh doanh	1977	30.513	30.513	0,191
2.	Phạm Thị Thanh Ngân	Trưởng phòng Quản lý đầu tư	1975	15.000	15.000	0,094
3.	Phạm Quốc Hùng	Giám đốc XNNS Túc Duyên, Trại Cau	1973	22.290	22.290	0,139
4.	Phạm Hồng Hà	Giám đốc XNNS Đại từ	1971	23.500	3.500	0,022
5.	Phạm Đức Mạnh	Giám đốc XNKDNS Thái Nguyên	1976	20.100	20.100	0,126
6.	Phạm Việt Sơn	Giám đốc XNNS Tích Lương	1975	21.149	6.149	0,038
7.	Hà Văn Hải	Giám đốc XNNS Sông công, Diêm Thụy	1981	1.977	1.977	0,012
8.	Nguyễn Huy Quỳnh	Phụ trách XNNS Võ Nhai	1986	2.081	2.081	0,013
9.	Bùi Đức Dương	Giám đốc Công ty TNHH XDCT	1981	26.888	26.888	0,168
10.	Vũ Thị Minh Hương	Kế toán trưởng Công ty TNHH XDCT	1979	16.558	16.558	0,10
11.	Hà Anh Tuấn	Giám đốc Công ty TNHH Friend	1982	1.688	1.688	0,010
12.	Nguyễn Thị Minh Thảo	Phụ trách kế toán Công ty TNHH Friend	1978	3.686	3.686	0,023
	Cộng			185.430	150.430	0,94

Nguyễn Văn Hải